

Thời gian làm bài: 90 phút (Không kể thời gian giao đề)

I. MỤC ĐÍCH ĐỀ KIỂM TRA

1. Năng lực

a) Đánh giá được mức độ nhận biết và thông hiểu đặc trưng thể loại trong phần đọc hiểu ngữ liệu ngoài SGK và tri thức tiếng Việt, khả năng diễn đạt, hành văn và cách rút ra ý nghĩa của các văn bản truyện ngụ ngôn, truyện khoa học viễn tưởng. Phạm vi kiến thức gồm: Bài 6,7.

+ Phần Đọc - hiểu: Thể loại truyện ngụ ngôn.

+ Phần Tiếng Việt: biện pháp tu từ nói quá, thành ngữ, mạch lạc và liên kết trong văn bản, dấu chấm lửng.

+ Phần Viết: Viết bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành).

b) Rèn luyện kĩ năng diễn đạt, trình bày.

2. Phẩm chất: nhân ái, trách nhiệm, trung thực, chăm chỉ.

II. HÌNH THỨC ĐỀ KIỂM TRA

- Hình thức: Tự luận.

- Cách tổ chức kiểm tra: HS làm bài kiểm tra trong 90 phút.

III. MA TRẬN VÀ BẢNG ĐẠC TẢ ĐỀ KIỂM TRA

1. MA TRẬN

TT	Kĩ năng	Nội dung kiến thức/Đơn vị kĩ năng	Mức độ nhận thức			Tổng điểm %
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	
1	Đọc hiểu	Truyện ngụ ngôn	2 (15%)	3 (30%)	1 (15%)	6,0
		Truyện khoa học viễn tưởng				
2	Viết	Viết bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành).	1* (10%)	1* (15%)	1* (15%)	4,0
Tỉ lệ %			25%	45%	30%	10,0
Tổng			70%		30%	100%

2. ĐẠC TẢ

TT	Kỹ năng	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Tổng % điểm
01		Truyện	Nhận biết	2	3	1	6,0

	Độc hiểu	ngụ ngôn	- Nhận biết được đặc điểm hình thức, một số yếu tố của truyện như: đề tài, sự kiện, tình huống, bối cảnh, cốt truyện, nhân vật. - Nhận biết: biện pháp tu từ nói quá, thành ngữ, mạch lạc và liên kết trong văn bản, dấu chấm lửng; số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ). Thông hiểu - Hiểu được đặc điểm truyện ngụ ngôn: nhân vật được nhân cách hóa, truyện thường nêu lên những tư tưởng, đạo lý hay bài học cuộc sống, ngôn ngữ giàu hình ảnh, pha yếu tố hài hước. - Hiểu được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại, qua ý nghĩ của các nhân vật khác, qua lời người kể chuyện. - Hiểu được ý nghĩa của một số chi tiết tiêu biểu trong truyện. - Hiểu được vai trò mạch lạc và liên kết trong văn bản - Trình bày được tác dụng của biện pháp tu từ, dấu chấm lửng. - Hiểu ý nghĩa của thành ngữ. Vận dụng - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tác phẩm văn học. - Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với thái độ, tình cảm và cách giải quyết vấn đề của tác giả; nêu được lý do.	(15%)	(30%)	(15%)	
02		Truyện khoa học viễn tưởng	Nhận biết - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu, những yếu tố mang tính “viễn tưởng” của truyện viễn tưởng (những tưởng tượng				

			dựa trên những thành tựu khoa học đương thời). - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện; sự thay đổi ngôi kể trong một văn bản. - Nhận biết được tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện viễn tưởng. - Nhận biết được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ). Thông hiểu - Tóm tắt được cốt truyện. - Nêu được chủ đề, thông điệp, những điều mơ tưởng và những dự báo về tương lai mà văn bản muốn gửi đến người đọc. - Chỉ ra và phân tích được tính cách nhân vật truyện khoa học viễn tưởng thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện hoặc lời của các nhân vật khác. - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản. Vận dụng - Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với thái độ, tình cảm và cách giải quyết vấn đề của tác giả; nêu được lí do.				
03	Viết	Viết bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề	Nhận biết (1,0 điểm) - Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành). - Xác định đúng vấn đề nghị luận, biết nêu ý kiến.	1* (10%)	1* (15%)	1* (15%)	4,0

		trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành).	Thông hiểu (1,5 điểm) - Nêu được vấn đề và ý kiến cần bàn luận. - Trình bày được sự tán thành đối với ý kiến cần bàn luận. - Đưa ra được những lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng để chứng tỏ sự tán thành là có căn cứ. Vận dụng (1,5 điểm) - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. - Sử dụng ngôn ngữ trong sáng, lập luận sắc bén.				
Tỉ lệ %				25%	45%	30%	10,0
Tổng				70%		30%	100

IV. ĐỀ KIỂM TRA

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

ĐEO NHẠC CHO MÈO

Tự bao giờ đến giờ, mèo cứ xơi chuột luôn mãi, nên chuột mới đẻ ra là đã sợ mèo rồi.

Nhưng con giun xéo lắm cũng quăn, chuột ta lấy thế làm giận. Một hôm, mới hội nhau lại làm một làng chuột, để chống giữ với mèo. Thôi thật đủ khắp mặt: nào anh Chù, mùi hôi đến nỗi thành câu ca, nào chú Nhất, có tính nhí nhắt đã nêu câu ví, nào ông Cống, rung rinh béo tốt, quan trường lại chấm cho ở trên ông Đồ, ...

Khi làng dài răng đã tề tựu đông đủ cả rồi, ông Cống mới lên giọng rằng:

- Cái giống quái kia sở dĩ nó chụp được anh em mình chỉ vì trời phú cho nó cái tài rình mò và khéo bắt lén mà thôi. Bây giờ ta nên mua một cái chuông buộc vào cổ nó, để khi nào nó đến, nghe tiếng chuông kêu, ta biết đường chạy trước thì nó còn làm gì nổi ta nữa.

Cả làng chuột nghe nói, dẫu mồm, quật đuôi, đều lấy làm phục cái câu chí lí của ông Cống và đồng thanh ưng thuận.

Khi chuông đã kiếm được rồi, hội đồng chuột lại họp. Con nào con nấy lao xao hơn hờ, bảo nhau đã sắp tới ngày thoát được cái ách ông Miu ranh mãnh rồi.

Nhưng lúc hội đồng hỏi ai dám đeo chuông cho mèo, thì thấy cả hội đồng im phăng phắc, không một cái tai nào nhích, một cái răng nào nhe cả.

Không biết cử ai vào việc đại sự ấy, bắt đắc dĩ làng cắt ông Cống phải đi vì chính ông Cống đã xướng lên cái thuyết đeo chuông cho mèo vậy.

Ấy mới khôn! Nhưng Cống ta trong lòng tuy nao mà ngoài mặt làm ra bộ bề vệ kẻ cả, nói rằng:

- Tôi đây, chẳng gì nhờ tổ ấm cũng được vào bậc ông Cống, ông Nghè, ăn trên ngồi trước trong làng, có đâu làng lại cắt tôi đi làm cái việc tầm thường ấy được! Trong làng ta nào có thiếu chi người! Tôi xin cử anh Nhất, anh ấy nhanh nhẩu chắc làm được việc.

Ấy mới hay! Nhưng Nhất ta trở mặt láu, cãi lí rằng:

- Làng cắt tôi đi, tôi cũng xin vâng, không dám chối từ. Nhưng tôi, dù bé vậy, mà cũng còn ở chiếu trên, chưa đến nỗi nào. Ông Cống không đi, phải; tôi đây không đi, cũng phải. Để xin cắt anh Chù, anh ấy tuy chậm, nhưng chắc chắn, làng không lo hỏng việc.

Ấy mới không có gì lạ! Chù ta thật thà, không biết cãi sao, ụt ịt nói rằng :

- Tôi là đây tớ làng, làng sai tôi đi là phải lắm. Nhưng tôi chỉ sợ, nếu tôi đến gần mèo mà mèo thịt tôi đi thì rồi lấy ai thay tôi mà đeo chuông cho mèo được nữa.

Chuột Cống nhanh miệng bảo:

- Mèo nó có vòn là vòn chúng tao, vòn cái anh Nhắt kia, chớ chú mày hôi hám như thế, thì nó bắt mà thềm vào. Thôi cứ nhận đi ngay đi, không được nói lời thôi gì nữa.

Chuột Chù ì ạch phải nhận, mang chuông ra đi tìm mèo thật. Khôn chưa trông thấy mèo, mới nghe thấy tiếng, Chù đã sợ run cả mình, không dám tiến. Nhưng sợ lệ làng, sau đánh bạo, phải lại gần thì thấy mèo quả nhiên không thềm vòn đến thật. Song mèo cũng nhe nanh, giương vuốt, làm cho Chù cấm đầu, vác cái thân ì ạch chạy khôn chạy khổ về báo cho làng hay.

Cả làng nghe báo cũng sợ, bỏ chạy tán loạn, chẳng ai hỏi đến cái chuông, nó bon đi đâu, và bon tự bao giờ không biết.

Thành ra từ đó, chuột vòn sợ mèo, vẫn hoàn sợ mèo mãi.

(Theo *Truyện cổ nước Nam* của Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc,

Kể chuyện 5, trang 69, NXB Giáo dục – 1984)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. (0,75 điểm) Nêu một dấu hiệu để nhận biết thể loại của văn bản?

Câu 2. (0,75 điểm) Xác định phương tiện liên kết được sử dụng trong hai câu sau:

“Tôi là đây tớ làng, làng sai tôi đi là phải lắm. Nhưng tôi chỉ sợ, nếu tôi đến gần mèo mà mèo thềm tôi đi thì rồi lấy ai thay tôi mà đeo chuông cho mèo được nữa.

Câu 3. (1,0 điểm) Trình bày tác dụng của việc sử dụng dấu chấm lửng trong câu sau:

“Thôi thật đủ khắp mặt: nào anh Chù, mùi hôi đến nỗi thành câu ca, nào chú Nhắt, có tính nhí nhắt đã nêu câu ví, nào ông Công, rung rinh béo tốt, quan trường lại chấm cho ở trên ông Đồ, ...”

Câu 4. (1,0 điểm) Nhận xét tính cách nhân vật chuột Công qua lời nói và hành động.

Câu 5. (1,0 điểm) Chi tiết “hội đồng hỏi ai dám đeo chuông cho mèo, thì thấy cả hội đồng im phăng phắc, không một cái tai nào nhích, một cái răng nào nhe cả” có ý nghĩa gì?

Câu 6. (1,5 điểm) Nếu em là một thành viên trong hội đồng chuột, em sẽ hành xử như thế nào? Vì sao em lại chọn như vậy? (*Viết thành đoạn văn khoảng 3 - 5 câu*)

II. VIẾT (4,0 điểm)

Trong thời điểm sau Tết nguyên đán vừa qua, một số bạn nam uốn tóc, các bạn nữ thì sơn móng tay, trang điểm khi đến trường. Trước hiện tượng đó, một số bạn cho rằng việc uốn tóc, sơn móng tay, trang điểm khi đến trường là không đúng nội quy của nhà trường nên hạ hạnh kiểm để răn đe. Nhưng đa số các bạn khác lại khẳng định việc uốn tóc, sơn móng tay, trang điểm khi đến trường chẳng qua là muốn làm mới bản thân, tạo sự cá tính, khác biệt.

Em tán thành với ý kiến nào? Hãy viết bài văn nghị luận trình bày ý kiến của em.

----- HẾT -----

V. HƯỚNG DẪN CHẤM

A. HƯỚNG DẪN CHUNG

Nhóm chuyên môn tổ chức thảo luận để thống nhất hướng dẫn chấm và cách cho điểm; chấm chung ít nhất 05 bài.

Hướng dẫn chấm chỉ là gợi ý nên trong quá trình chấm bài, giáo viên cần linh hoạt, tránh đếm ý cho điểm, chú ý kỹ năng làm bài và sự sáng tạo của học sinh. Học sinh có thể có nhiều cách diễn đạt và lí giải khác nhau, miễn là hợp lí và thuyết phục.

B. HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I	ĐỌC HIỂU		6,0
	1	Nêu một dấu hiệu để nhận biết thể loại của văn bản?	0,75
		- HS chỉ ra được ít nhất một đặc điểm thể loại trong các đặc điểm sau: + Mượn chuyện loài vật để răn dạy con người. + Viết bằng văn xuôi, ngắn gọn. + Nhân vật là con vật, loài vật được nhân cách hóa.	0,75
	2	Xác định phương tiện liên kết được sử dụng trong hai câu sau: “Tôi là đây tớ làng, làng sai tôi đi là phải lắm. Nhưng tôi chỉ sợ, nếu tôi đến gần mèo mà mèo thịt tôi đi thì rồi lấy ai thay tôi mà đeo chuông cho mèo được nữa.	0,75
		- Phương tiện liên kết: phép nối: từ “nhưng”, phép lặp: từ “tôi”.	0,75
	3	Trình bày tác dụng của việc sử dụng dấu chấm lửng trong câu sau: “Thôi thật đủ khắp mặt: nào anh Chù, mùi hôi đến nỗi thành câu ca, nào chú Nhắt, có tính nhí nhắt đã nêu câu ví, nào ông Cống, rung rinh béo tốt, quan trường lại chấm cho ở trên ông Đồ, ...”	1,0
		- Dấu chấm lửng đặt ở cuối câu. - Tác dụng: tỏ ý còn nhiều sự vật, hiện tượng chưa được liệt kê hết.	1,0
	4	Nhận xét tính cách nhân vật chuột Cống qua lời nói và hành động. - Ông Cống: huênh hoang, sĩ diện, đùn đẩy trách nhiệm, chỉ giỏi nói lí thuyết. Đại diện cho lớp người ăn trên ngồi trước nhưng thiếu trách nhiệm. Hướng dẫn chấm - HS nêu được 3 nét tính cách là đạt 1.0 điểm. - HS nêu được 2 nét tính cách là đạt: 0,75 điểm - HS nêu được 01 nét tính cách là đạt: 0,5 điểm - HS không nêu được hoặc nêu không đúng: 0 điểm.	1,0
	5	Chi tiết “hội đồng hỏi ai dám đeo chuông cho mèo, thì thấy cả hội đồng im phăng phắc, không một cái tai nào nhích, một cái răng nào nhe cả” có ý nghĩa gì?	1,0
		- Chi tiết trên thể hiện ý nghĩa: + Sự hèn nhát, thiếu dũng khí của cả hội đồng chuột. + Chỉ rõ sự mâu thuẫn giữa lời nói và hành động, nói thì rất ngon lành mà khi làm thì đùn đẩy, không ai dám nhận nhiệm vụ.	1,0

		HS nêu được ý nghĩa 2 nét tính cách là đạt 1.0 điểm. HS nêu được 01 nét tính cách là đạt: 0,5 điểm HS không nêu được hoặc nêu không đúng: 0 điểm.	
6	Nếu em là một thành viên trong hội đồng chuột, em sẽ hành xử như thế nào? Vì sao em lại chọn như vậy? (Viết thành đoạn văn khoảng 3 - 5 câu)		1,5
	HS thể hiện quan điểm riêng, có thể đưa ra những cách ứng xử khác nhau, có lí lẽ, bằng chứng để bảo vệ sự lựa chọn. * Gợi ý: + Em đồng ý là cần đeo nhạc cho mèo, nhưng phải quan tâm đến an toàn của người đi đeo chuông. Vì vậy cần có sự chuẩn bị kế hoạch thật kĩ: Ai thực hiện? Khi nào? Cần phương tiện, công cụ, đối tượng hỗ trợ, bảo vệ an toàn, ... Chỉ khi lên kế hoạch thật cụ thể thì mới khả thi. + Em sẽ nhận nhiệm vụ, cần đồng đội hỗ trợ cùng: Nhất, nhanh trí, mưu mẹo; Cống to lớn dụ được mèo, nhằm quan sát thói quen của mèo, thực hiện lúc mèo ngủ say, ... Tinh thần trách nhiệm và dũng cảm; phương án khả thi cao. + Em sẽ đề xuất giải pháp khác, không nên đeo nhạc cho mèo vì quá mạo hiểm tính mạng của đồng loại. Có thể chọn giải pháp an toàn thay thế: chuyển nơi khác sinh sống, nghiên cứu thói quen để đặt bẫy mèo, ...		1,5
II	VIẾT. Trong thời điểm sau Tết nguyên đán vừa qua, một số bạn nam uốn tóc, các bạn nữ thì sơn móng tay, trang điểm khi đến trường. Trước hiện tượng đó, một số bạn cho rằng việc uốn tóc, sơn móng tay, trang điểm khi đến trường là không đúng nội quy của nhà trường nên hạ hạnh kiểm để răn đe. Nhưng đa số các bạn khác lại khẳng định việc uốn tóc, sơn móng tay, trang điểm khi đến trường chẳng qua là muốn làm mới bản thân, tạo sự cá tính, khác biệt. Em tán thành với ý kiến nào? Hãy viết bài văn nghị luận trình bày ý kiến của em.		4,0
	a) Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành).		0,25
	b) Xác định đúng yêu cầu của đề: tán thành với ý kiến		0,25
	c) Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ nội dung của bài viết * Mở bài: - Giới thiệu hiện tượng sau Tết một số học sinh uốn tóc, sơn móng tay, trang điểm khi đến trường. - Nêu các ý kiến khác nhau về hiện tượng này và nêu rõ quan điểm của bản thân tán thành với ý kiến nào. * Thân bài: tập trung nêu lí do và bằng chứng thể hiện sự tán thành.		1,5

	+ Gợi ý: <i>1. Nêu quan điểm: học sinh không nên làm đẹp quá mức khi đến trường vì không phù hợp với nội quy và môi trường học đường.</i> a. Khía cạnh thứ nhất cần tán thành: - Lí lẽ: Học sinh cần tuân thủ nội quy nhà trường để xây dựng môi trường học tập có tính kỉ luật. - Bằng chứng: Nhà trường học quy định học sinh không nhuộm tóc, không trang điểm để giữ sự phù hợp với lứa tuổi. b. Khía cạnh thứ hai cần tán thành: - Lí lẽ: Việc làm đẹp quá mức có thể khiến học sinh chú trọng hình thức hơn việc học. - Bằng chứng: Trong lớp em, nhiều bạn học sinh ăn mặc giản dị, gọn gàng được bạn bè và thầy cô yêu quý. c. Khía cạnh thứ ba cần tán thành: - Lí lẽ: Sự giản dị giúp giữ gìn vẻ đẹp trong sáng của tuổi học trò và môi trường học đường. - Bằng chứng: c. Khẳng định ý kiến: - Mong muốn làm đẹp là nhu cầu bình thường của mỗi người. Tuy nhiên, học sinh cần lựa chọn cách thể hiện phù hợp với môi trường học tập. <i>2. Nêu quan điểm: Việc uốn tóc, sơn móng tay, trang điểm vừa phải, có gu thẩm mỹ và phù hợp môi trường học đường có thể là cách làm mới bản thân và thể hiện cá tính của học sinh.</i> a. Khía cạnh thứ nhất cần tán thành: - Lí lẽ: Nhu cầu làm đẹp là nhu cầu tự nhiên của con người. Ngoại hình gọn gàng, tự tin giúp học sinh giao tiếp và tham gia hoạt động tích cực hơn. - Bằng chứng: - Trong thực tế, nhiều học sinh chăm chút ngoại hình vừa phải vẫn học tập tốt và được bạn bè yêu quý. b. Khía cạnh thứ hai cần tán thành: - Lí lẽ: Thể hiện cá tính giúp mỗi người có phong cách riêng và tự - Bằng chứng: Các hoạt động văn nghệ, sinh hoạt tập thể cũng khuyến khích học sinh thể hiện cá tính. c. Khía cạnh thứ ba cần tán thành: - Một số người cho rằng việc làm đẹp như vậy không phù hợp với môi trường học đường. Tuy nhiên, nếu ở mức vừa phải và lịch sự thì không ảnh hưởng đến việc học. * Kết bài: - Khẳng định lại ý kiến và nêu bài học.	
	d) <i>Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Nêu được vấn đề và ý kiến cần bàn luận. - Trình bày được sự tán thành đối với ý kiến cần bàn luận.	1,5

	- Đưa ra được những lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng để chứng tỏ sự tán thành là có căn cứ. <i>Lưu ý:</i> - Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	
	<i>đ) Diễn đạt:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	0,25
	<i>e) Sáng tạo:</i> Thể hiện quan điểm một cách sâu sắc, có cách diễn đạt mới mẻ, sáng tạo.	0,25

VI. HƯỚNG DẪN CHẤM

DÀNH CHO HỌC SINH KHUYẾT TẬT

HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I	ĐỌC HIỂU		6,0
	1	Nêu một dấu hiệu để nhận biết thể loại của văn bản?	0,75
		- HS chỉ ra được ít một đặc điểm thể loại trong các đặc điểm sau: + Mượn chuyện loài vật để răn dạy con người. + Viết bằng văn xuôi, ngắn gọn. + Nhân vật là con vật, loài vật được nhân cách hóa.	0,75
	2	Xác định phương tiện liên kết được sử dụng trong hai câu sau:	0,75
		“Tôi là đầy tớ làng, làng sai tôi đi là phải lắm. Nhưng tôi chỉ sợ, nếu tôi đến gần mèo mà mèo thịt tôi đi thì rồi lấy ai thay tôi mà đeo chuông cho mèo được nữa.	
		- Xác định đúng 1 trong số 02 phương tiện liên kết sau: phép nối: từ “nhưng”, phép lặp: từ “tôi”.	0,75
	3	Trình bày tác dụng của việc sử dụng dấu chấm lửng trong câu sau:	1,0
		“Thôi thật đủ khắp mặt: nào anh Chù, mùi hôi đến nỗi thành câu ca, nào chú Nhắt, có tính nhí nhắt đã nêu câu ví, nào ông Cống, rung rinh béo tốt, quan trường lại chấm cho ở trên ông Đồ, ...”	
		- Biết nhận diện dấu chấm lửng đặt ở cuối câu.	1,0
	4	Nhận xét tính cách nhân vật chuột Cống qua lời nói và hành động.	1,0
		- Ông Cống: huênh hoang, sĩ diện, đùn đẩy trách nhiệm, chỉ giỏi nói lí thuyết. Đại diện cho lớp người ăn trên ngồi trước nhưng thiếu trách nhiệm. Hướng dẫn chấm - HS nêu được 3 nét tính cách là đạt 1.0 điểm. - HS nêu được 2 nét tính cách là đạt: 0,75 điểm - HS nêu được 01 nét tính cách là đạt: 0,5 điểm - HS không nêu được hoặc nêu không đúng: 0 điểm.	
	5	Chi tiết “hội đồng hỏi ai dám đeo chuông cho mèo, thì thấy cả hội đồng im phăng phắc, không một cái tai nào nhích, một cái răng nào nhe cả” có ý nghĩa gì?	1,0

		- Chỉ tiết trên thể hiện ý nghĩa: + Sự hèn nhát, thiếu dũng khí của cả hội đồng chuột. + Chỉ rõ sự mâu thuẫn giữa lời nói và hành động, nói thì rất ngon lành mà khi làm thì đùn đẩy, không ai dám nhận nhiệm vụ. <i>HS nêu được ý nghĩa 1 nét tính cách là đạt 1.0 điểm.</i>	1,0
	6	Nếu em là một thành viên trong hội đồng chuột, em sẽ hành xử như thế nào? Vì sao em lại chọn như vậy? (Viết thành đoạn văn khoảng 3 - 5 câu)	1,5
		- HS biết thể hiện quan điểm riêng và nêu được một lí do phù hợp.	1,5
II	VIẾT. Trong thời điểm sau Tết nguyên đán vừa qua, một số bạn nam uốn tóc, các bạn nữ thì sơn móng tay, trang điểm khi đến trường. Trước hiện tượng đó, một số bạn cho rằng việc uốn tóc, sơn móng tay, trang điểm khi đến trường là không đúng nội quy của nhà trường nên hạ hạnh kiểm để răn đe. Nhưng đa số các bạn khác lại khẳng định việc uốn tóc, sơn móng tay, trang điểm khi đến trường chẳng qua là muốn làm mới bản thân, tạo sự cá tính, khác biệt. Em tán thành với ý kiến nào? Hãy viết bài văn nghị luận trình bày ý kiến của em.		4,0
		a) <i>Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành).</i>	0,5
		b) <i>Xác định đúng yêu cầu của đề: tán thành với ý kiến</i>	0,5
		c) <i>Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ nội dung của bài viết</i> * Mở bài: - Giới thiệu hiện tượng sau Tết một số học sinh uốn tóc, sơn móng tay, trang điểm khi đến trường. - Nêu các ý kiến khác nhau về hiện tượng này và nêu rõ quan điểm của bản thân tán thành với ý kiến nào. * Thân bài: tập trung nêu được 1 lí do và 1 bằng chứng thể hiện sự tán thành. * Kết bài: - Khẳng định lại ý kiến và nêu bài học.	1,0
		d) <i>Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Nêu được vấn đề và ý kiến cần bàn luận. - Trình bày được sự tán thành đối với ý kiến cần bàn luận. - Đưa ra được những lí lẽ và bằng chứng để chứng tỏ sự tán thành là có căn cứ. <i>Lưu ý:</i> - Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	2.0

